TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1426/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 10 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1317/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Trần Hữu D, sinh năm 1970

Địa chỉ: , Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Trần Hữu D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 189, quyển số: 01, ngày 16 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2000 (đã trưởng thành). Bà S trực tiếp nuôi dưỡng Trần Hữu P, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2003 và Trần Nguyễn Hữu P, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2007, ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho một con (cả 02 con là 7.000.000 đồng mỗi tháng), thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày ly hôn.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của Bộ luật dân sự.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này ông D. Nếu ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông D.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà S và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

- Về nợ chung: Bà S và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà S và ông D phải chịu lệ phí là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001175 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G , các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND q.GV;
- UBND p T, q M, Tp HCM;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn